

Số : 15/2009/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định về tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn đối với tổ chức tín dụng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức tín dụng như sau:

Chương I - CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam, trừ quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nguồn vốn ngắn hạn của tổ chức tín dụng là nguồn vốn có thời hạn còn lại đến 12 tháng.
2. Nguồn vốn trung hạn, dài hạn là nguồn vốn có thời hạn còn lại trên 12 tháng.
3. Khoản cho vay trung hạn, dài hạn là khoản cho vay, cho thuê tài chính có thời hạn cho vay trên 12 tháng.

Chương II - QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn

Nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn của tổ chức tín dụng bao gồm:

1. Tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn gửi còn lại đến 12 tháng của tổ chức (kể cả tổ chức tín dụng khác), cá nhân.
2. Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn có thời hạn gửi còn lại đến 12 tháng của cá nhân.
3. Nguồn vốn huy động dưới hình thức phát hành giấy tờ có giá có thời hạn thanh toán còn lại đến 12 tháng.
4. Khoản vay từ tổ chức tín dụng khác có thời hạn vay còn lại đến 12 tháng, trừ các khoản vay trên thị trường liên ngân hàng.

Điều 4. Nguồn vốn trung hạn, dài hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn

1. Nguồn vốn trung hạn, dài hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn bao gồm:

a) Tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn gửi còn lại trên 12 tháng của tổ chức (kể cả tổ chức tín dụng khác), cá nhân.

b) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn có thời hạn gửi còn lại trên 12 tháng của cá nhân.

c) Nguồn vốn huy động dưới hình thức phát hành giấy tờ có giá có thời hạn thanh toán còn lại trên 12 tháng.

d) Khoản vay từ tổ chức tín dụng khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 12 tháng.

đ) Vốn điều lệ và Quỹ dự trữ còn lại sau khi trừ đi các khoản đầu tư mua tài sản cố định; góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại khoản 20 Điều 2 Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 34/2008/QĐ-NHNN ngày 5/12/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

e) Thặng dư vốn cổ phần.

2. Các khoản phải trừ khỏi nguồn vốn trung hạn, dài hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn:

a) Các khoản đầu tư vào chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư vào giấy tờ có giá khác, có thời hạn trung hạn, dài hạn do tổ chức tín dụng khác phát hành.

b) Các khoản đầu tư mua cổ phiếu quỹ.

c) Tiền gửi tại tổ chức tín dụng khác có thời hạn gửi trên 12 tháng.

Điều 5. Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn

1. Tổ chức tín dụng sử dụng nguồn vốn để cho vay trung hạn, dài hạn theo nguyên tắc thứ tự sau đây:

a) Sử dụng nguồn vốn trung hạn, dài hạn.

b) Sử dụng nguồn vốn ngắn hạn.

2. Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn của tổ chức tín dụng như sau:

- Ngân hàng thương mại: 30%

- Công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính: 30%

- Quỹ tín dụng nhân dân trung ương: 20%

3. Tỷ lệ của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn tính theo công thức sau đây:

$$[(A-B)/C] \times 100\%$$

Trong đó:

- A là tổng dư nợ cho vay trung hạn, dài hạn

- B là tổng nguồn vốn trung hạn và dài hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn sau khi trừ đi các khoản phải trừ theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

- C là tổng nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Chương III - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế các quy định về tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn của tổ chức tín dụng tại Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng có tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn cao hơn tỷ lệ quy định tại Thông tư này không được tiếp tục sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn và phải có biện pháp, kế hoạch điều chỉnh để đảm bảo đến ngày 01/01/2010 phải tuân thủ đúng tỷ lệ quy định.

2. Vụ Dự báo, Thống kê Tiền tệ căn cứ quy định tại Thông tư này xây dựng trình Thống đốc ban hành chế độ báo cáo thống kê đối với tổ chức tín dụng.

3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3 Điều 7;
- BLĐ NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (2 bản);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Lưu VP, TTGSNH (3 bản).


THỐNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



TRẦN MINH TUẤN